

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-PT
Ngày: 13 - 01 - 2025
V/v tranh chấp “Đòi lại công
sức cải tạo đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Đòi lại công sức cải tạo đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 274/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 588/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Chen N**, sinh năm 1967; có mặt

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1961; vắng mặt

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Huỳnh Công T**, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)

3.2. Bà **Phạm Thị Bích L1**, sinh năm 1979; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 3 Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Anh **Dương Hoàng Liêm P**, sinh năm 1980; (xin vắng mặt)

3.4. Chị **Mạc Thị M**, sinh năm 1980; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 161/5/6 Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.5. Bà **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang,

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Chen N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn Nguyễn Thị Chen N trình bày:*

Quyền sử dụng đất tại thửa 1222 và 1223, cha bà là ông Nguyễn Văn N1 và mẹ bà là bà Võ Thị C cho bà sử dụng trước năm 1975 phần đất diện tích 568m². Đến năm 2001 bà cải tạo phần đất này lên nền đắp nền nhà và cất nhà ở. Đến năm 2005 bà có thuê xe máy cày cùng với chị Nguyễn Thu H cải tạo phần đất diện tích thửa 1222 và 1223 tổng diện tích là 1300m², mỗi người bỏ ra 450.000 đồng để cải tạo phần đất này. Đến năm 2006 bà đi làm ăn xa không sử dụng phần đất này nên cho con dâu bà L là chị H sử dụng phần đất này. Năm 2011 bà L đem phần đất của bà diện tích là 568m² đem cầm cố cho người khác nên phát sinh tranh chấp. Tại Quyết định giải quyết tranh chấp số 1683/QĐ-UBND ngày 11/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện G đã bác yêu cầu tranh chấp của bà đối với phần đất diện tích 568m². Tuy nhiên về chi phí san lấp, cải tạo đất bà L chưa hoàn trả cho bà. Chi phí tạm tính là 420m³ x 120.000 đồng/m³ = 50.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà L bồi thường cho bà số tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Phần đất này trước năm 1975 là của bác bà ông Nguyễn Văn M1 sử dụng, sau đó con của ông M1 là bà Nguyễn Thị G cho bà sử dụng và cất nhà ở vào năm 1982. Phần đất này đã có nền sẵn và bà có cho em bà là Nguyễn Thị Chen N cất nhà ở (chỉ là chòi tạm). Bà và Chen N ở được 03-04 năm thì không ở nữa. Năm 1997, bà đăng ký kê khai phần đất thửa 1222 và 1223. Vào năm 2005 bà Chen N bắt đầu tranh chấp đất với các anh em trong gia đình nên bà có đưa cho Chen N phần đất diện tích 568m² để canh tác nhưng bà Chen N chỉ canh tác 01 năm rồi không sử dụng nữa. Gia đình bà đã sử dụng phần đất này từ năm 2006 đến nay. Đến năm 2011 bà Chen N tranh chấp với bà phần đất này. Tại Quyết định giải quyết tranh chấp số 1683/QĐ-UBND ngày 11/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện G đã bác yêu cầu tranh chấp của bà Chen N. Phần đất này bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho người khác vào năm 2023. Nay bà Chen N yêu cầu bà bồi thường số tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Do bà Chen N không có bồi thổ phần đất này, chỉ thuê máy cày xới đất để cải tạo đất trồng trọt vào năm 2005, việc trồng trọt là phải xới đất nên bà Chen N yêu cầu bà trả khoản tiền này là vô lý, bà Chen N không có san lấp gì cả nên bà không đồng ý bồi thường số tiền

nào.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu H trình bày:*

Phần đất này trước đây là đất trồng rau màu sẵn có. Do đất bỏ hoang nhiều năm nên vào năm 2005 chị và bà Chen N có thuê o "Kobe" kobe cày xới lại đất, cải tạo lại đất để trồng trọt với giá thuê là 900.000 đồng, chị và bà Chen N mỗi người chịu một nửa tiền là 450.000 đồng do mỗi người canh tác $\frac{1}{2}$ thửa đất. Bà Chen N trồng một năm thì không trồng nữa. Chị canh tác toàn bộ phần đất này và sau đó chị có thuê kobe cải tạo thêm. Nay chị không có yêu cầu gì và ý kiến gì thêm trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T, bà Phạm Thị Bích L1 trình bày:* Phần đất này ông T nhận chuyển nhượng hợp pháp nên không có ý kiến gì và tranh chấp gì trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Hoàng Liêm P, chị Mạc Thị M trình bày:* Phần đất này anh P, chị M nhận chuyển nhượng hợp pháp nên không có ý kiến gì và tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 274/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.*

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N yêu cầu bà Nguyễn Thị L bồi thường tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu số 0013014 ngày 14/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G nên bà Chen N phải tiếp tục nộp số tiền 1.250.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu chi phí tố tụng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.700.000 đồng, bà Chen N đã đóng tạm ứng 1.700.000 đồng nên đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

- Ngày 19 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Chen N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: bà Chen N kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt lần 2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T, bà Phạm Thị Bích L1, anh Dương Hoàng Liêm P, chị Mạc Thị M, chị Nguyễn Thu H xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chen N yêu cầu bà L bồi thường số tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Đòi lại công sức cải tạo đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 19 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Chen N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N với những căn cứ sau:

Tại Quyết định số 1683 ngày 11/07/2012 của Ủy ban nhân dân huyện G xác định nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn M1 sử dụng trước năm 1975 sau đó để cho ông Nguyễn Văn N1 và ông N1 mua thêm một phần đất của ông Đ sử dụng đến năm 1982 ông N1 chết thì gia đình ông M1 sử dụng đến năm 1985 để lại cho Nguyễn Thị L sử dụng và bà L cất chòi ở trên phần đất này. Đến năm 1997 thì bà L đăng ký mục kê đối với phần đất thửa 1222 và 1223 diện tích 1300m² và tiếp tục sử dụng về sau. Đến năm 2005 bà Chen N tranh chấp đất với em trai là Nguyễn Văn H1 nên bà L có để phần đất diện tích 568m² cho bà Chen N cất nhà để ở nhưng sau khi có đất bà Chen N không cất nhà ở mà sử dụng trồng hoa

màu vào mùa nắng, đến mùa mưa thì đi cào ghê để lại cho con dâu bà L là chị H sử dụng. Trong thời gian này chị H có mướn máy cày để cải tạo phần đất diện tích 1300m² chị H và bà Chen N mỗi người bỏ ra 450.000 đồng để trả tiền chi phí. Đến năm 2006 thì bà Chen N không sử dụng phần đất này nữa. Đến năm 2012 thì bà Chen N khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất với bà L và được Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 1683 ngày 11/07/2012 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Chen N và bà Nguyễn Thị L đã bác yêu cầu tranh chấp đất của bà Chen N, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 568m² cho bà L. Đối với chi phí san lấp, cải tạo đất thì các bên liên quan tự giải quyết. Nay bà Chen N yêu cầu bà L bồi thường số tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, bà Chen N trình bày về chi phí san lấp, cải tạo đất là 420m³ x 120.000 đồng/m³ = 50.000.000 đồng để Tòa án xem xét mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, lời trình bày của bà Chen N không được bà L thừa nhận mà cho rằng chi phí cho việc thuê máy cày để xới đất, cải tạo đất với số tiền là 450.000 đồng là để phục vụ cho việc bà Chen N trồng hoa màu, vì đây là điều tất yếu phải làm khi xuống giống trồng hoa màu cho mùa vụ đó. Thực tế là bà Chen N chỉ trình bày mà không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà Chen N nên không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo qui định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Chen N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Chen N.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 274/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chen N yêu cầu bà Nguyễn Thị L bồi thường tiền san lấp, cải tạo đất với số tiền là 50.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu số 0013014 ngày 14/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G nên bà Chen N phải tiếp tục nộp số tiền 1.250.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo iờn"Biên lai thu số 0013565 ngày 19/9/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, nên xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Chen N phải chịu chi phí tố tụng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.700.000 đồng, bà Chen N đã đóng tạm ứng 1.700.000 đồng nên đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. G;
- CCTHADS H. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thẩm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền